TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2018/DS-PT
Ngày 23 – 11 – 2018
V/v tranh chấp yêu cầu
thực hiện nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Bà Cao Thị Túy Giang

Ông Trương Thanh Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp 5, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị T, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị T: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 06/9/2018, có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn C, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp 5, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày: Ngày 04 tháng 01 năm 2012, ông và bà Mai Thị T có thỏa thuận chuyển quyền nhận khoáng đất lâm nghiệp với diện tích 3,5ha, tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, với giá chuyển nhượng là 230.000.000 đồng, thỏa thuận thời gian trả tiền chia thành 03 đợt: Đợt 1 ngày 04/01/2012 trả 75.000.000 đồng (bà T đã trả xong), đợt 2 ngày 04/02/2012 trả 35.000.000 đồng (bà T đã trả xong) và đợt 3 ngày 23/12/2016 trả 120.000.000 đồng (bà T chưa trả), khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay, có ông Mai Văn Đ là người làm chứng ký tên, nhưng không có chính quyền địa phương xác nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vào tháng 4 năm 2012, bà T yêu cầu được chuyển tên trong hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp, ông đồng ý giao sổ cho bà T và bà T có viết giấy cam kết khi chuyển tên xong phải trả sổ lại cho ông ngày 23/12/2016. Tuy nhiên, sau khi đăng ký chuyển tên hợp đồng giao khoán xong bà T không trả sổ và không trả cho ông số tiền 120.000.000 đồng theo như thỏa thuận. Nay ông yêu cầu bà T trả cho ông 120.000.000 đồng và trả lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Mai Thị T trình bày: Về giao dịch chuyển giao quyền nhận khoán đất lâm nghiệp bà T thống nhất với lời trình bày của ông T. Tuy nhiên, bà T xác định khi làm hợp đồng hai bên thỏa thuận trả tiền làm hai đợt, mỗi đợt trả bao nhiêu tiền thì bà không nhớ, nhưng thỏa thuận khi nào giấy chuyển giao hoàn tất, bà nhận sổ giao khoán xong bà sẽ trả đủ tiền cho ông T. Vào ngày 09/02/2012, bà đã nhận sổ và đã trả đủ tiền cho ông T. Nay ông T yêu cầu bà trả 120.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C trình bày: Ông thống nhất với bà T về giao dịch nhận chuyển quyền nhận khoán đất lâm nghiệp giữa bà T và ông T. Việc giao dịch và thực hiện hợp đồng là do ông trực tiếp giao dịch với ông T. Việc trả tiền được chia thành hai lần, lần thứ nhất là vào ngày giao kết hợp đồng, lần thứ hai là ngày ông nhận sổ giao khoán đất. Do hiện nay hợp đồng đã thất lạc nên ông không nhớ số tiền mỗi lần ông trả cho ông T là bao nhiêu, nhưng ông đã trả tiền xong cho ông T vào năm 2012. Nay ông T kiện yêu cầu vợ chồng ông trả 120.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật thì ông không đồng ý.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T yêu cầu bà Mai Thị T trả 126.300.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết buộc vợ chồng bà Mai Thị T trả cho ông 120.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Quốc T nộp trong hạn luật định và hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Quốc T, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Ông T và bà T thống nhất xác định ngày 04/01/2012 hai bên có thỏa thuận chuyển giao quyền nhận khoán đất lâm nghiệp, với diện tích 3,5ha, tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, với giá là 230.000.000 đồng, nên có căn cứ xác định giao dịch chuyển giao quyền nhận khoán đất lâm nghiệp giữa ông T và bà T là có xảy ra trên thực tế.

Ông T xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng ông đã giao sổ cho bà T để chuyển tên hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp, tuy nhiên sau khi chuyển tên xong thì bà T không trả sổ lại cho ông và không trả cho ông 120.000.000 đồng như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông T có cung cấp đơn xin chuyển quyền nhận khoán đất lâm nghiệp ngày 04/01/2012 (bút lục số 01) và giấy cam kết ngày 01/4/2012 (bút lục số 12). Bà T không thừa nhận chữ ký và chữ viết của bà Tươi trong hai tài liệu này.

[4] Tại kết luận giám định số 264/GĐ-2018 ngày 14 tháng 11 năm 2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu đã kết luận: *"Chữ ký và chữ viết của bà Mai Thị T trong giấy cam kết ngày 01/4/2012 so với chữ ký và viết của bà Mai Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra"*. Như vậy, có căn cứ xác định chữ ký và chữ viết của bà Mai Thị T trong giấy cam kết ngày 01/4/2012 không phải chữ ký và chữ viết của bà Mai Thị T, nên không có căn cứ xác định bà T đã cam kết trả tiền chuyển nhượng cho ông T theo nội dung của giấy cam kết ngày 01/4/2012.

[5] Căn cứ vào hồ sơ và hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp số 87/số 4/HĐ ngày 10/02/2012 (bút lục số 32) giữa Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bạc Liêu và bà Mai

Thị T có hiệu lực kể từ ngày 10/02/2012. Như vậy, ông T đã chuyển giao quyền nhận khoán đất lâm nghiệp cho bà T kể từ thời điểm này, không phải đến tháng 4 năm 2012 bà T mới có nhu cầu chuyển tên như ông T trình bày, nên bà T không có làm giấy cam kết mượn sổ giao khoán đất của ông T vào ngày 01/4/2012. Bà T và ông C xác định khi trả tiền cho ông T và ông T giao sổ nhận khoán lại cho ông, bà thì có bà Nguyễn Thị S chứng kiến. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S xác định vào thời điểm nêu trên bà có cho vợ chồng bà T mượn 20.000.000 đồng để trả cho ông T, còn việc vợ chồng bà T trả cho ông T số tiền bao nhiêu thì bà không biết nhưng bà có trực tiếp thấy ông T đưa cho ông C cuốn sổ hợp đồng. Căn cứ vào kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bạc Liêu không có cơ sở xác định bà T có cam kết trả tiền cho ông T số tiền 120.000.000 đồng sau khi hoàn tất thủ tục chuyển tên trong sổ nhận giao khoán đất lâm nghiệp như ông T yêu cầu. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được Tòa án chấp nhận, nên ông T phải chịu chi phí giám định hai lần là 5.280.000 đồng (trong đó: Chi phí giám định tại cấp sơ thẩm số tiền 1.200.000 đồng và chi phí giám định tại cấp phúc thẩm số tiền 4.080.000 đồng). Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không tuyên ông T phải chịu chi phí giám định trong phần quyết định của bản án sơ thẩm là thiếu sót, nhưng thiếu sót này của cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, nên cần rút kinh nghiệm, đồng thời cấp phúc thẩm tuyên bổ sung phần này.

[7] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Tại; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm, ông Nguyễn Quốc T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T yêu cầu bà Mai Thị T trả số tiền 126.300.000 đồng.

2. Về chi phí giám định số tiền là 5.280.000 đồng (trong đó: Chi phí giám định tại cấp sơ thẩm số tiền 1.200.000 đồng và chi phí giám định tại cấp phúc thẩm số tiền 4.080.000 đồng), ông Nguyễn Quốc T phải chịu toàn bộ. Ông Nguyễn Quốc T đã nộp tạm ứng chi phí giám định số tiền 6.200.000 đồng nên được chuyển thu chi phí giám định số tiền 5.280.000 đồng. Ông Nguyễn Quốc T được nhận lại số tiền 920.000 đồng, tại Phòng Kế toán của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Quốc T chịu 6.315.000 đồng. Nguyễn Quốc T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0006570 ngày 17/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 3.000.000 đồng. Ông Nguyễn Quốc T còn phải nộp tiếp số tiền 3.315.000 đồng (Ba triệu, ba trăm mười lăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Quốc T chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Quốc T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011241 ngày 04/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Lệ Kiều